

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Chen Hui Zun	Chủ tịch
Ông Lee Mo Ting	Thành viên
Ông Tsai Ching Feng	Thành viên
Bà Đàm Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Hung Kuang Ching	Thành viên / Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 11/4/2016)
Ông Trần Văn Sinh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/4/2016)

Ban Kiểm soát:

Ông Tseng Sen Hsien	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên
Bà Trần Thanh Thiệt	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Số: 100/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán viên
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán viên số 0985-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01-DN
 ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.970.921.748	209.897.908.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.031.919.336	1.115.823.542
1. Tiền	111		6.031.919.336	1.115.823.542
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	26.761.530.346	26.559.036.237
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		37.232.688.110	43.505.570.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.355.261.174	1.783.145.080
3. Các khoản phải thu khác	136		2.957.266.237	1.088.961.317
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.818.640.167)	(19.818.640.167)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		34.954.992	-
III. Hàng tồn kho	140	6	168.409.094.293	169.341.029.218
1. Hàng tồn kho	141		171.472.396.974	182.499.466.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.063.302.681)	(13.158.437.438)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.768.377.773	12.882.019.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	8.345.033.432	4.915.314.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	7.636.680.155
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		423.344.341	330.024.889
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.382.465.514	110.093.564.425
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.010.276.469	94.636.124.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	83.010.276.469	94.636.124.161
Nguyên giá	222		321.475.400.287	321.999.773.005
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.465.123.818)	(227.363.648.844)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	106.394.674
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	-	106.394.674
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.372.189.045	15.351.045.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	12.372.189.045	15.351.045.590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305.353.387.262	319.991.472.630

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN

ĐVT: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		248.673.689.287	254.389.482.466
I. Nợ ngắn hạn	310		183.548.879.287	197.779.303.087
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	59.520.051.573	69.449.858.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	58.487.855.446	16.243.661.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		415.877.546	173.654.866
4. Phải trả công nhân viên	314		2.009.919.080	2.870.536.804
5. Chi phí phải trả	315	13	7.849.524.297	6.725.815.927
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	5.718.378.301	3.365.666.496
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	49.547.273.044	98.950.108.989
II. Nợ dài hạn	330		65.124.810.000	56.610.179.379
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	65.124.810.000	56.610.179.379
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.679.697.975	65.601.990.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	56.679.697.975	65.601.990.164
1. Vốn điều lệ	411		90.478.550.000	90.478.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		90.478.550.000	90.478.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		829.809.325	829.809.325
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.309.325)	(18.309.325)
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(34.610.352.025)	(25.688.059.836)
- LNST chưa pp lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(25.688.059.836)	11.803.350.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.922.292.189)	(37.491.410.108)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.353.387.262	319.991.472.630



Trần Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Dương Châu Thụy Mộng Thuỳ
Phụ trách Kế toán

Lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng	01		292.552.683.492	326.366.284.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.274.519.110)	(1.413.244.066)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	18	290.278.164.382	324.953.040.619
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(272.482.218.622)	(318.813.372.060)
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.795.945.760	6.139.668.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.474.709.702	738.858.197
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	21	(9.389.236.073)	(18.833.040.532)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(7.359.301.159)</i>	<i>(11.400.185.485)</i>
8. Chi phí bán hàng	25	22	(7.313.337.149)	(10.416.689.789)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(11.637.692.209)	(12.159.095.388)
10. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		(9.069.609.969)	(34.530.298.953)
11. Thu nhập khác	31		1.155.748.758	217.493.203
12. Chi phí khác	32		(1.008.430.978)	(1.985.182.845)
13. Lợi nhuận khác	40	24	147.317.780	(1.767.689.642)
14. Lỗ kế toán trước thuế	50		(8.922.292.189)	(36.297.988.595)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	26	-	1.193.421.513
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.922.292.189)	(37.491.410.108)
17. Lỗ cơ bản trên cơ phiếu	61		(986)	(4.144)



Trần Văn Sinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Dương Châu Thụy Mộng Thuần
 Phụ trách Kế toán

Lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**MẪU B 03-DN**
Đơn vị: VNĐ

CHI TIÊU	Mã số	2016	2015
I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1, Lãi trước thuế	01	(8.922.292.189)	(36.297.988.595)
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.696.414.968	11.669.272.145
Các khoản dự phòng	03	(10.095.134.757)	(2.374.683.961)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	295.353.481	(3.251.767.909)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(78.360.697)	(17.878.359)
Chi phí lãi vay	04	7.359.301.159	11.400.185.485
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	255.281.965	(18.872.861.194)
Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	7.340.866.595	(3.027.216.550)
Giảm hàng tồn kho	10	11.027.069.682	61.092.129.602
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	32.162.122.747	(19.024.964.778)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(450.862.723)	5.684.066.759
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.349.011.761)	(9.024.554.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.985.466.505	16.826.599.236
II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(180.514.426)	(8.541.844.999)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	272.727.273	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	21.975.248	9.684.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	114.188.095	(8.532.160.929)
III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	234.787.372.401	214.848.212.564
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(275.970.931.206)	(228.933.026.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.183.558.805)	(14.084.814.084)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.916.095.795	(5.790.375.777)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.115.823.541	6.906.199.319
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.031.919.336	1.115.823.542



Trần Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Dương Châu Thụy Mộng Thuyền
Phụ trách Kế toán

Lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (“Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp (thay thế cho Giấy phép Đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN ngày 01 tháng 9 năm 2000 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy phép Đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN ngày 06 tháng 02 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp). Thời gian hoạt động của Công ty là 47 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2000.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 06 tháng 02 năm 2006 theo Giấy phép số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 6 năm 2005 do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 344 người (01/01/2016: 355 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao; xây dựng công trình dân dụng.

Trụ sở của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-10
Máy móc, thiết bị	05-12

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, công trình showroom và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	16.328.359	15.012.456
Tiền gửi ngân hàng	6.013.929.977	1.100.811.086
+ VND	5.979.073.126	998.504.209
+ Ngoại tệ	34.856.851	102.306.877
Tiền đang chuyển	1.661.000	-
	<u>6.031.919.336</u>	<u>1.115.823.542</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	37.285.810.454	43.505.570.007
+ khách hàng nước ngoài	3.997.543.587	2.051.788.476
+ khách hàng trong nước	33.288.266.867	41.453.781.531
Trả trước cho người bán	6.267.183.838	1.783.145.080
+ khách hàng nước ngoài	5.162.881.986	1.200.274.086
+ khách hàng trong nước	1.104.301.852	582.870.994
Phải thu khác	2.957.266.237	1.088.961.317
Tài sản thiếu chờ xử lý	34.954.992	-
	46.545.215.521	46.377.676.404
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(19.818.640.167)	(19.818.640.167)
	26.726.575.354	26.559.036.237

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên vật liệu	34.564.844.273	39.268.811.290
Công cụ dụng cụ	699.925.359	286.199.022
Chi phí sản xuất dở dang	21.507.391.989	15.690.863.779
Thành phẩm	114.700.235.353	127.253.592.565
	171.472.396.974	182.499.466.656
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.063.302.681)	(13.158.437.438)
	168.409.094.293	169.341.029.218

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 16).

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01	4.915.314.164	8.795.798.644
Tăng trong năm	24.673.247.948	4.533.489.185
Phân bổ vào chi phí trong năm	(21.243.528.680)	(5.527.180.800)
Kết chuyển sang CP trả trước dài hạn	-	(2.886.792.865)
Tại ngày 31/12	8.345.033.432	4.915.314.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2016	76.217.678.280	239.211.705.921	5.713.628.707	856.760.097	321.999.773.005
Tăng	203.909.100	83.000.000	-	-	286.909.100
Thanh lý	-	-	(811.281.818)	-	(811.281.818)
Tại ngày 31/12/2016	<u>76.421.587.380</u>	<u>239.294.705.921</u>	<u>4.902.346.889</u>	<u>856.760.097</u>	<u>321.475.400.287</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	(32.096.664.174)	(192.248.034.239)	(2.429.128.517)	(589.821.914)	(227.363.648.844)
Khấu hao trong năm	(3.084.032.916)	(8.160.798.568)	(421.183.488)	(30.399.996)	(11.696.414.968)
Thanh lý	-	-	594.939.994	-	594.939.994
Tại ngày 31/12/2016	<u>(35.180.697.090)</u>	<u>(200.408.832.807)</u>	<u>(2.255.372.011)</u>	<u>(620.221.910)</u>	<u>(238.465.123.818)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	<u>44.121.014.106</u>	<u>46.963.671.682</u>	<u>3.284.500.190</u>	<u>266.938.183</u>	<u>94.636.124.161</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u>41.240.890.290</u>	<u>38.885.873.114</u>	<u>2.646.974.878</u>	<u>236.538.187</u>	<u>83.010.276.469</u>

Như trình bày tại các Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 44.746.450.159 VNĐ để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại ngân hàng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 169.240.432.807 VNĐ.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 01/01	106.394.674	391.331.881
Tăng trong năm		3.822.524.247
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(106.394.674)	(305.505.000)
Kết chuyển sang chi phí trả trước		(3.138.260.159)
Giảm khác		(663.696.295)
Tại ngày 31/12	<u>-</u>	<u>106.394.674</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 01/01	15.351.045.590	14.016.367.710
Tăng trong năm	9.354.826.683	28.155.271.684
Phân bổ vào chi phí trong năm	(12.333.683.228)	(26.820.593.804)
Tại ngày 31/12	<u>12.372.189.045</u>	<u>15.351.045.590</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Phải trả khách hàng:		
+ Nhà cung cấp nước ngoài	4.820.089.000	14.116.064.717
+ Nhà cung cấp trong nước	54.699.962.573	55.333.793.676
	59.520.051.573	69.449.858.393

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Người mua trả tiền trước		
+ Nhà cung cấp nước ngoài	49.512.135.104	10.533.722.559
+ Nhà cung cấp trong nước	8.975.720.342	5.709.939.053
	58.487.855.446	16.243.661.612

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	7.764.136.967	4.533.752.631
Chi phí khác	85.387.330	2.192.063.296
	7.849.524.297	6.725.815.927

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	46.795.640	33.068.480
Bảo hiểm xã hội	156.544.278	543.412.476
Bảo hiểm y tế	-	52.967.707
Bảo hiểm thất nghiệp	-	22.371.310
Phải trả khác	5.515.038.383	2.713.846.523
	5.718.378.301	3.365.666.496

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	13.954.702.824	52.223.772.062
Ông Chen Hui Zun	8.715.680.220	
Nợ dài hạn đến hạn trả:	26.876.890.000	46.726.336.927
<i>Chyih Investment Co., Ltd</i>	10.876.890.000	43.276.800.000
Ông Chen Hui Zun	16.000.000.000	-
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	-	3.449.536.927
	49.547.273.044	98.950.108.989

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VND hoặc USD với hạn mức tối đa là 100.000.000.000 VNĐ và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 7 và 9).

Khoản vay cá nhân Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 01 tháng 8 năm 2012, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 01/8/2012 đến 31/7/2017 với lãi suất 14,5% năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Ông Chen Hui Zun	-	16.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	-	8.603.379.379
Vay dài hạn Chyih Investment Co., Ltd.	65.124.810.000	32.006.800.000
	65.124.810.000	56.610.179.379

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục Hợp đồng PL201305/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2013 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 13/5/2013 đến 12/5/2018. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 600/NHNN-ĐNA1 ngày 06 tháng 6 năm 2013 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	26.876.890.000	19.452.936.927
Trong năm thứ hai	10.876.890.000	19.452.936.927
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	32.630.670.000	37.157.242.452
Sau năm năm	21.617.250.000	-
	92.001.700.000	76.063.116.306
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(26.876.890.000)	(19.452.936.927)
Số phải trả sau 12 tháng	65.124.810.000	56.610.179.379

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2015	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	11.803.350.272	103.093.400.272
Lợi nhuận	-	-	-	(37.491.410.108)	(37.491.410.108)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2016	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	(25.688.059.836)	65.601.990.164
Lợi nhuận	-	-	-	(8.922.292.189)	(8.922.292.189)
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	(34.610.352.025)	56.679.697.975

CỔ PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.047.855	9.047.855
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.047.855	9.047.855
- Cổ phiếu phổ thông	9.047.855	9.047.855
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430	1.430
- Cổ phiếu phổ thông	1.430	1.430
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- Cổ phiếu phổ thông	9.046.425	9.046.425

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18. DOANH THU

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu xuất khẩu	18.637.018.537	56.828.483.570
- Doanh thu nội địa	273.064.656.128	268.696.097.823
- Doanh thu khác	851.008.827	841.703.292
	<u>292.552.683.492</u>	<u>326.366.284.685</u>
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	-	(390.228.218)
- Hàng bán bị trả lại	(589.699.971)	(454.471.375)
- Giảm giá hàng bán	(1.684.819.139)	(568.544.473)
	<u>290.278.164.382</u>	<u>324.953.040.619</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong đó:		
- Giá vốn của thành phẩm	282.577.353.379	321.835.388.308
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.095.134.757)	(3.022.016.248)
	<u>272.482.218.622</u>	<u>318.813.372.060</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.975.248	17.878.359
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.004.594.014	166.042.193
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	448.140.440	554.937.645
	<u>1.474.709.702</u>	<u>738.858.197</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	7.359.301.159	11.400.185.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.814.237.775	6.758.555.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	215.697.139	674.299.939
	<u>9.389.236.073</u>	<u>18.833.040.532</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lương nhân viên	2.318.739.540	1.700.725.799
Chi phí vật liệu, bao bì	253.019.102	850.389.973
Chi phí khấu hao	67.766.001	62.645.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.093.964.526	6.280.812.323
Chi phí khác bằng tiền	579.847.980	1.522.116.330
	<u>7.313.337.149</u>	<u>10.416.689.789</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí Nhân viên quản lý	6.695.090.053	7.025.831.736
Chi phí dự phòng	-	647.332.287
Chi phí đồ dùng văn phòng	748.945.483	971.213.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	608.527.692	605.455.028
Thuế, phí và lệ phí	40.485.000	49.384.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.032.339.519	2.245.973.520
Chi phí khác	512.304.462	613.905.753
	<u>11.637.692.209</u>	<u>12.159.095.388</u>

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	272.727.273	-
Hoàn thuế nhập khẩu	116.100.000	110.165.793
Xử lý công nợ	-	49.517.084
Khác	766.921.485	57.810.326
Thu nhập khác	<u>1.155.748.758</u>	<u>217.493.203</u>
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	(202.654.070)	(865.836.348)
Giá trị còn lại của Tài sản cố định	(216.341.824)	-
Xử lý công nợ	-	(489.899.916)
Khác	(589.435.084)	(629.446.581)
Chi phí khác	<u>(1.008.430.978)</u>	<u>(1.985.182.845)</u>
Lợi nhuận khác	<u>147.317.780</u>	<u>(1.767.689.642)</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	178.201.856.105	297.645.053.912
Chi phí nhân công	37.444.289.816	43.120.537.523
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.677.465.446	10.706.480.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.437.495.120	33.219.194.927
Chi phí khác	1.192.332.390	4.611.131.327
	<u>241.953.438.877</u>	<u>389.302.398.490</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	(8.922.292.189)	(36.297.988.595)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.547.705.099	2.210.887.377
Thu nhập chịu thuế	(7.374.587.090)	(34.087.101.218)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện hành</i>	-	-
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung</i>	-	1.193.421.513
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>1.193.421.513</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.031.919.336	1.115.823.542
Các khoản phải thu	46.545.215.521	46.377.676.404
Đầu tư dài hạn	-	-
	52.577.134.857	47.493.499.946
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	114.672.083.044	155.560.288.368
+ Ngắn hạn	49.547.273.044	98.950.108.989
+ Dài hạn	65.124.810.000	56.610.179.379
Phải trả người bán và phải trả khác	65.238.429.874	72.815.524.889
Chi phí phải trả	7.849.524.297	6.725.815.927
	187.760.037.215	235.101.629.184

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD như sau:

	Ngoại tệ	
	31/12/2016	01/01/2016
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.546,44	4.815,35
Các khoản phải thu	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-
	1.546,44	4.815,35
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	3.529.026,92	4.880.144,94
+ Ngắn hạn	639.727,45	2.949.636,31
+ Dài hạn	2.889.299,47	1.930.508,62
Phải trả người bán và phải trả khác	2.410.480,22	1.171.790,61
Chi phí phải trả	201.775,00	215.523,51
	6.141.282,14	6.267.459,06

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay	49.547.273.044	65.124.810.000	114.672.083.044
Phải trả người bán và phải trả khác	65.238.429.874	-	65.238.429.874
Chi phí phải trả	7.849.524.297	-	7.849.524.297
	122.635.227.215	65.124.810.000	187.760.037.215
Tại ngày 01/01/2016			
Các khoản vay	98.950.108.989	56.610.179.379	155.560.288.368
Phải trả người bán và phải trả khác	72.815.524.889	-	72.815.524.889
Chi phí phải trả	6.725.815.927	-	6.725.815.927
	178.491.449.805	56.610.179.379	235.101.629.184
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.031.919.336	-	6.031.919.336
Các khoản phải thu	46.545.215.521	-	46.545.215.521
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	52.577.134.857	-	52.577.134.857
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.115.823.542	-	1.115.823.542
Các khoản phải thu	46.377.676.404	-	46.377.676.404
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	47.493.499.946	-	47.493.499.946

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Trả nợ vay dài hạn		
Chyih Investment Co., Ltd	-	4.425.960.000
	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lãi vay dài hạn		
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	2.280.051.000	2.182.297.550
Mr. Chen Hui Zun	2.160.000.000	2.319.999.996
Số dư với các bên liên quan:	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Các khoản phải trả Chyih Investment Co., Ltd.		
+ Lãi vay phải trả	6.620.470.299	4.340.419.299
+ Vay dài hạn phải trả	76.001.700.000	75.283.600.000
Các khoản phải trả Mr. Chen Hui Zun		
+ Lãi vay phải trả	1.314.666.668	193.333.332
+ Vay dài hạn phải trả	16.000.000.000	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.917.267.625	1.899.569.770
Trong năm thứ hai	1.917.267.625	1.899.569.770
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.751.802.875	5.698.709.310
Sau năm thứ năm	47.612.144.125	49.072.217.180
	<u>57.198.482.250</u>	<u>58.570.066.030</u>

Công ty hàng năm phải trả tiền thuê đối với diện tích 102.775 m² tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch với giá thuê 0,82 USD/m²/năm theo quy định tại Hợp đồng thuê lại đất số 985/CT-ĐT ngày 25/10/2000, Phụ lục số 97/CT-KHĐT ngày 20/01/2005 và Phụ lục số 1226/CT-ĐT-PLHĐ ngày 03/12/2005.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 vì lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là gạch men, ngoài ra các hàng hóa, dịch vụ khác chủ yếu là phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng rất nhỏ, dưới 10%).

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung tại Công ty và không có chi nhánh, do vậy không có sự khác biệt về mặt rủi ro và lợi ích kinh tế, cũng như không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị và địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

Do đó Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty không thuộc phạm vi áp dụng yêu cầu trình bày như quy định của chuẩn mực.

31. SỰ KIẾN SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty Chyih Investment Company Ltd. (Cổ đông Công ty mẹ) đã đồng ý gia hạn khoản vay dài hạn cho Công ty đến ngày 12 tháng 5 năm 2023.



Trần Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Dương Châu Thụy Mộng Thuần
Phụ trách Kế toán

Lập biểu